

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 16-7-2019

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan.

Các Thẩm phán: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Bà Lưu Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Phúc Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 16 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2019/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 09/2019/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 192/2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quang M, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Quang M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Quang M tổ chức đám cưới vào năm 1991, đến năm 2008 thì đăng ký kết hôn tại xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyển số 01 ngày 20-02-2008.

Sau khi tổ chức đám cưới, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc. Cách nay khoảng hơn hai năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng vì anh M ra ngoài làm ăn có quan hệ đồng tính với người đàn ông khác nên về nhà không còn tình cảm với chị, việc buôn bán cũng không để cho chị được tự do mà luôn cho người theo dõi. Anh M cũng tự ghi vào sổ có nợ người tên H số tiền 800.000.000 đồng, sau đó chị và con chị phải trả. Mâu thuẫn nữa là anh M đề nghị ly thân với chị cách hơn 01 năm, và từ đó đến nay anh M không còn ngủ chung với chị, trong thời gian ly thân, anh M còn thuê 02 người đàn ông đến nhà sống chung với anh M. Ngoài ra, anh M còn có những hành động khác như nhờ 02 người làm thuê trong trại heo của vợ chồng chị tạc nước chị, đem các vật dụng dơ bẩn để vào nhà tắm nhằm để cho người làm công của chị phải vệ sinh nhiều lần vì anh M cho rằng chị quan hệ đồng tính với người đó. Những việc làm của anh M đối với chị, chị có kể lại cho các anh em của anh M biết nhưng họ cũng không quan tâm gì đến chị, nên chị cảm thấy không còn tình cảm với anh M và gia đình phía anh M.

Ngày 01-11-2018, anh M về nhà lấy hóa đơn trong việc kinh doanh của gia đình, anh M có kêu chị đến phòng khách để nói chuyện tình cảm vợ chồng và về các vật dụng dơ bẩn (xô, bàn chải vệ sinh bồn cầu) để trong nhà tắm thì anh M rượt chị đến cổng tiệm thuốc vì lý do chị nói anh M để vật dụng dơ vào nhà tắm nhưng anh M nói không có. Về vấn đề tiền bạc, chị ở nhà bán thức ăn, anh M chở thức ăn về cho chị bán nhưng sau đó anh M cũng cắt không chở về cho chị bán nữa vì cho rằng chị không trả tiền nhưng thực tế chị đã giao tiền cho anh M. Từ đó, chị lấy thức ăn chỗ khác để bán và cuộc sống vợ chồng trở nên mâu thuẫn hơn nữa. Anh M cũng không cung cấp tiền cho chị tiêu xài từ ngày 30-11-2018. Chị bị bệnh nhiều lần, đi điều trị nhiều lần nhưng anh M cũng không đưa tiền cho chị, anh M cũng không quan tâm đến chị. Ngoài ra, anh M cũng cho rằng chị đưa một người đàn ông vào nhà ở chung với chị 21 ngày, nhưng người này là chồng của người làm thuê của chị (tên Thủy) chứ không phải có quan hệ nam nữ với chị. Hiện chị không thể chịu đựng cuộc sống vợ chồng với anh M nên phải bỏ nhà đi đến chùa ở Vũng Tàu để ở.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Lê Mộng T và Nguyễn Lê Khánh T hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Để hai bên tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Nguyễn Quang M trình bày:

Anh thống nhất về thời điểm chung sống, kết hôn và con chung như chị L trình bày.

Đối với mâu thuẫn vợ chồng, anh M không thống nhất với lời trình bày của chị L. Chị L cho rằng anh quan hệ đồng tính với người khác là bác sĩ H trưởng trạm y tế, nhưng anh và anh H chỉ thường xuyên uống cà phê với nhau nên chị L

hiều không đúng. Về việc thuê hai người làm thuê như chị L trình bày cũng không đúng, vì lúc gia đình xảy ra lục đục, anh dọn ra ngoài trại heo ở nên có ở chung với những người làm công, những người này đã ở đó từ lâu. Việc mâu thuẫn nay đã hai năm là không đúng vì chị L mới dọn ra nhà đối diện mà anh mua sau này ở riêng từ ngày 09-5-2018. Ngày 02-11-2018, anh nghe chòm xóm nói chị L có mướn 01 người đàn ông đến ở chung đã 21 ngày nên vào ngày này anh phá 04 lớp cửa (hai lớp cửa rào, hai lớp cửa nhà) vào bắt quả tang sự việc, anh có trình báo công an đến lập biên bản nhưng không thu thập đủ nộp cho Tòa án là lỗi của anh. Trong việc kinh doanh, chị L giao cho người làm thuê tự quyết định mọi việc nên anh không đồng ý chứ không phải quản lý làm cho chị L mất tự do. Anh chở thức ăn cho chị L bán, nhưng hơn 06 tháng chị L không trả tiền cho anh nên anh không tiền trả cho đại lý nên không thể tiếp tục chở thức ăn cho chị L bán tiếp được. Theo anh, người làm thuê tên T có quan hệ đồng tính với vợ anh, vợ anh tin tưởng nên bị bòn rút tiền bạc và cô T còn hăm dọa giết anh. Do vợ anh bị ảo tưởng nên nghe lời cô T, cô T có ý định chia rẽ vợ chồng anh nên mới dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng.

Nay anh còn thương vợ, vợ anh có tinh thần không ổn định (bị ảo tưởng) và bị tác động bởi người làm thuê tên T nên anh không đồng ý ly hôn.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 09/2019/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc L. Cho chị Lê Thị Ngọc L được ly hôn với anh Nguyễn Quang M.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 26/02/2019 bị đơn anh Nguyễn Quang M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Ngọc L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Nguyễn Quang M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý ly hôn với chị L. Chị L không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung: Yêu cầu kháng cáo của anh M là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Quang M, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về quan hệ tranh chấp: Chị Lê Thị Ngọc L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Quang M, án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn” là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh M có kết hôn vào năm 1991 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào năm 2008 theo giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyển số 1 ngày 20/02/2008 nên là hôn nhân hợp pháp.

[3]Về nội dung vụ án: Theo nguyên đơn chị L trình bày sau khi kết hôn chị và anh M sống hạnh phúc đến khoảng năm 2017 thì hai người phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong cuộc sống gia đình giữa anh M và chị có nhiều bất hòa, cụ thể như việc kinh doanh mua bán thức ăn, việc các bên có quan hệ đồng tính với người khác, hiện tại hai người đã ly thân với nhau hơn 01 năm nay. Từ những căn cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L với nguyên nhân do mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh M có đơn kháng cáo không đồng ý ly hôn với chị L và có nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm các tài liệu, chứng cứ do công an xã B thu thập được.

[4]Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Quang M về việc không đồng ý ly hôn với chị L là có không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, theo lời trình bày của chị L, nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai người bắt đầu từ năm 2017 và đã trầm trọng, không thể sống chung được nữa. Nguyên nhân là do anh M có quan hệ đồng tính với người đàn ông khác là anh H - Trưởng trạm y tế xã, đồng thời phía anh M cũng cho rằng chị L có quan hệ đồng tính với người đàn bà khác là chị Thủy nên vợ chồng chị và anh M hiện không còn tình cảm với nhau. Hai bên đương sự tại phiên tòa không thừa nhận lời trình bày của nhau. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy về tình cảm các bên đã không còn tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Ngoài ra, chị L trình bày vợ chồng chị có mâu thuẫn về việc thuê người làm công, việc mua bán thức ăn gia súc, việc anh M không chở thức ăn cho chị, phía anh M thì cho rằng do chị L cho người làm công là chị T quyết định vấn đề kinh doanh và không đưa tiền anh trả tiền thức ăn nên anh không đồng ý chở thức ăn cho chị L nữa. Hai người không tự mình giải quyết được mâu thuẫn trên nên từ đó dẫn đến phía anh M có những hành động làm cho chị L khó chịu như phá cửa rào và cửa ổ khóa cửa nhà không được sự đồng ý của chị L, anh M có những lời lẽ lớn tiếng làm mất trật tự tại địa phương, công an xã B cũng có lập biên bản về việc này. Mặt khác, nguyên nhân mâu thuẫn của anh M và chị L cũng một phần do chị T và chồng chị T là anh Đ

vào nhà anh chị làm thuê theo yêu cầu của chị L dẫn đến mâu thuẫn giữa hai người ngày càng gay gắt mà anh chị không tự thỏa thuận giải quyết với nhau được, hiện nay anh Đực và chị Thủy đã bị công an lập biên bản vi phạm hành chính là không đăng ký tạm trú tại nhà chị L. Hiện tại vợ chồng anh M, chị L đã ly thân hơn 01 năm nay, không còn ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tại phiên tòa anh M trình bày trong thời gian ly thân anh cũng không biết chị L sống ở đâu và sống với ai, chị L cũng không cho anh M biết mình đã sống ở đâu và làm gì. Do đó, quyết định của bản án sơ thẩm về việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh M kháng cáo không đồng ý ly hôn với chị L, nguyên nhân cũng là vì không muốn làm ảnh hưởng đến các con chung của anh và chị L. Anh có nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ do công an xã B thu thập. Tuy nhiên, các tài liệu trên đều chứng minh việc vợ chồng anh chị có xảy ra nhiều mâu thuẫn với nhau là có thật, công an xã B đã có lập biên bản ghi lời khai, các biên bản xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh M và chị L đối với những người hàng xóm đều cho rằng mâu thuẫn giữa hai người có liên quan đến chị Thủy là người làm công trong nhà. Các tài liệu, chứng cứ trên không thể hiện được anh M có những biện pháp dùng để hàn gắn tình cảm vợ chồng lại với nhau và tại phiên tòa anh M cũng không có biện pháp nào để thiết phục chị L trở lại chung sống hạnh phúc nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn về tình cảm giữa chị L và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh M kháng cáo không đồng ý ly hôn với chị L nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5]Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh M chị L có 02 con chung là Nguyễn Lê Mộng T, sinh năm 1992 và Nguyễn Lê Khánh T, sinh năm 1998, hiện đã thành niên, các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên anh M phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Quang M. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 09/2019/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc L. Chị Lê Thị Ngọc L được ly hôn với anh Nguyễn Quang M.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Quang M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Anh M đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 16420 ngày 26/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên xem như anh M đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Chị Lê Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 16152 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên xem như chị L đã nộp xong án phí.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 08 giờ 00 phút, ngày 16 tháng 7 năm 2019 có mặt chị Lê Thị Ngọc L và anh Nguyễn Quang M, vắng mặt Kiểm sát viên.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã B, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

(Đã ký)

Huỳnh Văn Ngoan

